

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH

Quy định việc giao nhiệm vụ, đặt hàng và tiêu chí lựa chọn tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam được giao nhiệm vụ, đặt hàng cung cấp dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đường sắt số 95/2025/QH15;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15, 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 72/2020/QH14, Luật số 03/2022/QH15, Luật số 05/2022/QH15, Luật số 08/2022/QH15, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 20/2023/QH15, Luật số 26/2023/QH15, Luật số 27/2023/QH15, Luật số 28/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 33/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15 và Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 188/2025/QH15 của Quốc hội thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù, đặc biệt để phát triển hệ thống mạng lưới đường sắt đô thị tại Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định việc giao nhiệm vụ, đặt hàng và tiêu chí lựa chọn tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam được giao nhiệm vụ, đặt hàng cung cấp dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định việc giao nhiệm vụ, đặt hàng và tiêu chí lựa chọn tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam được giao nhiệm vụ, đặt hàng cung cấp dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt thuộc chương trình, dự án mua sắm, đầu tư xây dựng đường sắt sử dụng ngân sách nhà nước, không bao gồm ngân sách

nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan, tổ chức trực thuộc; người quyết định đầu tư, chủ đầu tư chương trình, dự án mua sắm, đầu tư xây dựng đường sắt; doanh nghiệp Việt Nam, tổ chức khác có liên quan đến việc giao nhiệm vụ, đặt hàng, cung cấp dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Dịch vụ công nghiệp đường sắt là sửa chữa, hoán cải phương tiện giao thông đường sắt.
2. Hàng hóa công nghiệp đường sắt gồm: phương tiện giao thông đường sắt, hệ thống thông tin, tín hiệu, hệ thống cấp điện sức kéo đường sắt, ray, ghi, phụ kiện liên kết và phụ tùng, vật tư, thiết bị đường sắt.
3. Cơ quan, tổ chức giao nhiệm vụ, đặt hàng cung cấp dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt là chủ đầu tư hoặc cơ quan, tổ chức được giao kinh phí thực hiện chương trình, dự án mua sắm, đầu tư xây dựng đường sắt (sau đây gọi là cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng).
4. Tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam cung cấp dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt là tổ chức, doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, được giao nhiệm vụ hoặc được đặt hàng cung cấp dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt (sau đây gọi là nhà cung cấp).
5. Giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt là hình thức cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng giao trực tiếp bằng quyết định cho nhà cung cấp là tổ chức, doanh nghiệp trực thuộc cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng.
6. Đặt hàng cung cấp dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt là hình thức cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng giao trực tiếp bằng hợp đồng với nhà cung cấp là tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Điều 4. Danh mục dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt được giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng cho tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam

1. Chi tiết danh mục dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt được giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng cho tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định này.
2. Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh, bổ sung Danh mục dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt được giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng cho tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam (khi cần thiết).

Chương II

TIÊU CHÍ LỰA CHỌN NHÀ CUNG CẤP; NỘI DUNG, TRÌNH TỰ GIAO NHIỆM VỤ, ĐẶT HÀNG CUNG CẤP DỊCH VỤ, HÀNG HÓA CÔNG NGHIỆP ĐƯỜNG SẮT

Điều 5. Tiêu chí lựa chọn nhà cung cấp

Nhà cung cấp dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt phải đáp ứng đồng thời các tiêu chí sau:

1. Có chức năng, nhiệm vụ đối với tổ chức hoặc đăng ký ngành nghề kinh doanh, giấy phép hoạt động đối với doanh nghiệp phù hợp với nhiệm vụ được giao, đặt hàng.

2. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản.

3. Về năng lực tài chính:

a) Giá trị tài sản ròng của nhà cung cấp trong năm tài chính gần nhất phải không âm; có đủ năng lực về khả năng thu xếp vốn chủ sở hữu, huy động vốn vay, nguồn vốn hợp pháp khác đủ để thực hiện nhiệm vụ được giao, đặt hàng;

b) Có doanh thu bình quân hằng năm của 03 năm tài chính gần nhất có giá trị tối thiểu là 8.000 tỷ đồng đối với doanh nghiệp thành lập từ 03 năm trở lên hoặc có vốn điều lệ tối thiểu là 3.000 tỷ đồng đối với doanh nghiệp thành lập dưới 03 năm;

c) Đối với nhà cung cấp có vốn đầu tư nước ngoài thì phải bảo đảm có ít nhất một nhà đầu tư trong nước sở hữu trên 35% vốn điều lệ.

4. Về cơ sở vật chất: có đủ năng lực về nhà xưởng, kho, bãi, máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ phục vụ sản xuất, thử nghiệm bảo đảm đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ được giao, đặt hàng, trong đó ưu tiên lựa chọn nhà cung cấp có cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu và phát triển dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt hiện đại, phù hợp với nhiệm vụ được giao hoặc đặt hàng.

5. Về năng lực nhân sự: có đủ đội ngũ nhân sự, chuyên gia, cán bộ kỹ thuật, người lao động có năng lực quản lý, nghiên cứu, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề bảo đảm đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ được giao, đặt hàng.

6. Về năng lực, kinh nghiệm thực hiện nhiệm vụ:

a) Có giải pháp kỹ thuật, quy trình sản xuất, công nghệ tiên tiến, có khả năng tùy chỉnh, thay đổi; có cam kết và có kế hoạch cụ thể thực hiện nội địa hóa sản phẩm, bảo đảm tỷ lệ nội địa hóa tăng dần theo thời gian, phù hợp với

lộ trình công bố của Bộ Công Thương;

b) Đã thực hiện ít nhất một nhiệm vụ hoặc dự án trong lĩnh vực tương tự hoặc chứng minh kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực, ngành nghề cung cấp dịch vụ, hàng hóa tương tự hoặc có thỏa thuận hợp tác với đối tác có kinh nghiệm trong việc cung cấp dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt được giao, đặt hàng. Trường hợp đối tác là tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài phải có cam kết chuyển giao công nghệ toàn bộ hoặc một phần cho nhà cung cấp theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ;

c) Có năng lực, kế hoạch nhận chuyển giao công nghệ để thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt được giao, đặt hàng;

d) Có cam kết bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ đúng tiến độ; có kế hoạch huy động nguồn lực đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ được giao, đặt hàng;

đ) Có chính sách bảo hành, bảo trì, hỗ trợ khách hàng rõ ràng và lâu dài.

7. Về chất lượng sản phẩm: phải đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo yêu cầu cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng; có quy trình kiểm soát chất lượng sản phẩm; có chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy (đối với hàng hóa đã từng sản xuất) hoặc cam kết cung cấp chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy khi bàn giao sản phẩm (đối với hàng hóa sản xuất lần đầu) phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo yêu cầu của cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng do tổ chức đánh giá sự phù hợp cấp theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, trong đó chi phí thử nghiệm, chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy và các chi phí khác có liên quan do nhà cung cấp chi trả.

8. Về chi phí và giá cả: bảo đảm giá cả cạnh tranh, công khai, minh bạch và không vượt dự toán dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 6. Nội dung giao nhiệm vụ, đặt hàng cung cấp dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt

1. Việc giao nhiệm vụ, đặt hàng cung cấp dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt được thực hiện bằng quyết định giao nhiệm vụ (theo Mẫu số 01 Phụ lục II kèm theo Nghị định này) hoặc hợp đồng đặt hàng (theo Mẫu số 02 Phụ lục II kèm theo Nghị định này) giữa cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng và nhà cung cấp.

2. Nội dung giao nhiệm vụ:

- a) Số lượng, khối lượng cung cấp dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt;
- b) Chất lượng dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt;
- c) Thời gian triển khai và thời gian hoàn thành;

d) Dự toán kinh phí giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về đường sắt, pháp luật về xây dựng, Nghị quyết của Quốc hội và pháp luật khác có liên quan;

đ) Tạm ứng, thanh toán, quyết toán kinh phí;

e) Nghiệm thu khối lượng hoàn thành (theo Mẫu số 03 Phụ lục II kèm theo Nghị định này);

g) Bàn giao sản phẩm dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt;

h) Trách nhiệm của nhà cung cấp;

i) Các nội dung khác theo quy định của pháp luật (nếu có);

k) Ngoài ra, cơ quan, tổ chức giao nhiệm vụ có thể bổ sung một số nội dung khác nhưng không trái với quy định của pháp luật.

3. Nội dung đặt hàng:

- a) Số lượng, khối lượng cung cấp dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt;
- b) Chất lượng dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt;
- c) Thời gian triển khai và thời gian hoàn thành;

d) Đơn giá, giá đặt hàng theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về giá và các pháp luật khác có liên quan (nếu có), hoặc dự toán kinh phí đặt hàng cung cấp dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về đường sắt, pháp luật về xây dựng, Nghị quyết của Quốc hội và pháp luật khác có liên quan;

đ) Giá trị hợp đồng;

e) Phương thức thanh toán, quyết toán;

g) Phương thức nghiệm thu sản phẩm hoàn thành, thanh lý hợp đồng (theo Mẫu số 03, Mẫu số 04 Phụ lục II kèm theo Nghị định này);

h) Phương thức bàn giao sản phẩm dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt;

i) Trách nhiệm của nhà cung cấp;

k) Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức đặt hàng;

l) Các nội dung khác theo quy định của pháp luật (nếu có);

m) Ngoài ra, các bên có thể bổ sung một số nội dung khác nhưng không trái với quy định của pháp luật.

Điều 7. Trình tự thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng cung cấp dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt

1. Căn cứ quy mô, tính chất dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt của chương trình, dự án, chủ đầu tư chương trình, dự án tổ chức lập, trình người quyết định đầu tư chương trình, dự án phê duyệt kế hoạch giao nhiệm vụ, đặt hàng cung cấp dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt.

2. Kế hoạch giao nhiệm vụ, đặt hàng cung cấp dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt gồm: tên nhiệm vụ; tên cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng; đơn giá, giá đặt hàng trong trường hợp đặt hàng (nếu có) hoặc dự toán kinh phí; hình thức thực hiện; thời gian tổ chức lựa chọn nhà cung cấp; thời gian cung cấp dịch vụ, hàng hóa, trong đó:

a) Tên nhiệm vụ phải thể hiện tính chất, nội dung và phạm vi cung cấp dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt. Trường hợp nhiệm vụ gồm nhiều phần riêng biệt, cần nêu tên phần nhiệm vụ tương ứng và nội dung cơ bản của từng phần;

b) Dự toán kinh phí là toàn bộ chi phí để thực hiện việc cung cấp dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt, đã bao gồm chi phí dự phòng, thuế, phí, lệ phí, xác định trong tổng kinh phí của chương trình, tổng mức đầu tư của dự án được lập, phê duyệt theo quy định của pháp luật về đường sắt, pháp luật về xây dựng, Nghị quyết của Quốc hội và pháp luật khác có liên quan;

c) Hình thức thực hiện: mỗi dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt phải xác định cụ thể hình thức thực hiện là giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng;

d) Thời gian tổ chức lựa chọn nhà cung cấp bao gồm: thời gian nhà cung cấp nộp hồ sơ đề xuất; thời gian đánh giá, lựa chọn nhà cung cấp; thời gian xử lý tình huống (nếu có); thời gian thẩm định, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp;

đ) Thời gian cung cấp dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt được tính từ ngày quyết định giao nhiệm vụ hoặc hợp đồng đặt hàng có hiệu lực đến ngày nghiệm thu hoàn thành cung cấp dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt, không bao gồm thời gian bảo hành (nếu có).

3. Căn cứ kế hoạch giao nhiệm vụ, đặt hàng cung cấp dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt được cấp có thẩm quyền phê duyệt:

a) Cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng xác định nội dung nhiệm vụ giao hoặc đặt hàng và yêu cầu cụ thể đối với từng tiêu chí lựa chọn nhà cung cấp theo quy định tại Điều 4 của Nghị định này; gửi hồ sơ yêu cầu đến một nhà cung cấp dự kiến được giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng. Ưu tiên gửi hồ sơ yêu cầu đến nhà cung cấp có quyền sở hữu trí tuệ đối với dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt hoặc đã thực hiện hoàn thành cung cấp dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt có tính chất tương tự, quy mô tương đương hoặc lớn hơn so với nhiệm vụ xem xét giao hoặc đặt hàng;

b) Nhà cung cấp lập, gửi một bộ hồ sơ đề nghị tham gia cung cấp dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt đến cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng. Hồ sơ gồm: văn bản đề nghị tham gia cung cấp dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt (trong đó có cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp đối với các hồ sơ, tài liệu cung cấp); hồ sơ, tài liệu chứng minh việc đáp ứng các tiêu chí theo yêu cầu của cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng quy định tại điểm a khoản này; các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

4. Cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng thành lập Hội đồng thẩm định lựa chọn nhà cung cấp như sau:

a) Thành phần Hội đồng: Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo của cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng; các thành viên Hội đồng do cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng quyết định, trong đó phải có đại diện Bộ Xây dựng, Bộ Công Thương, Bộ Khoa học và Công nghệ;

b) Nhiệm vụ của Hội đồng: kiểm tra năng lực của nhà cung cấp, kiến nghị cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng quyết định việc lựa chọn nhà cung cấp.

5. Cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng quyết định giao nhiệm vụ đối với nhà cung cấp là tổ chức, doanh nghiệp trực thuộc hoặc thương thảo, ký kết hợp đồng đặt hàng với nhà cung cấp là tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam được lựa chọn hoặc chỉ định.

6. Trường hợp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ định nhà cung cấp dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt phục vụ chương trình, dự án đường sắt, cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng quyết định giao nhiệm vụ hoặc thương

thảo, ký kết hợp đồng đặt hàng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều này.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng

1. Xây dựng kế hoạch giao nhiệm vụ, đặt hàng cung cấp dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt trình người quyết định đầu tư chương trình, dự án phê duyệt; xây dựng dự toán nhiệm vụ trên nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế và thị trường.

2. Xác định yêu cầu cụ thể đối với các tiêu chí quy định tại Nghị định này, phù hợp với dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt giao nhiệm vụ, đặt hàng để lựa chọn nhà cung cấp.

3. Thành lập Hội đồng thẩm định lựa chọn nhà cung cấp; quyết định lựa chọn nhà cung cấp; ưu tiên lựa chọn nhà cung cấp có quyền sở hữu trí tuệ đối với dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt hoặc đã thực hiện hoàn thành nhiệm vụ cung cấp dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt có tính chất tương tự, quy mô tương đương hoặc lớn hơn so với nhiệm vụ xem xét giao hoặc đặt hàng.

4. Kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả việc thực hiện nhiệm vụ của nhà cung cấp.

5. Thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp trên cổng thông tin điện tử của cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định lựa chọn nhà cung cấp.

6. Chủ động nghiên cứu, xây dựng hoặc đề xuất xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật và đơn giá còn thiếu cho các dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt sau khi có đủ cơ sở dữ liệu từ thực tiễn triển khai làm căn cứ cho việc giao nhiệm vụ, đặt hàng trong các giai đoạn tiếp theo.

Điều 9. Quyền và trách nhiệm của nhà cung cấp

1. Quyền của nhà cung cấp

a) Được hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của pháp luật về đường sắt, pháp luật về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, pháp luật về chuyển giao công nghệ và pháp luật khác có liên quan.

b) Được đặt hàng lại cho tổ chức, doanh nghiệp khác đủ năng lực để cung cấp một hoặc một số phần cấu thành của dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt được giao hoặc đặt hàng.

2. Trách nhiệm của nhà cung cấp

a) Báo cáo đầy đủ, trung thực việc đáp ứng tiêu chí theo yêu cầu của cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp đối với hồ sơ, tài liệu cung cấp;

b) Cung cấp và chịu toàn bộ trách nhiệm về dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt theo yêu cầu của nhiệm vụ được giao, đặt hàng; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng;

c) Chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát của cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng và cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với việc thực hiện nhiệm vụ được giao hoặc được đặt hàng;

d) Cung cấp chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy (đối với hàng hóa sản xuất lần đầu) của tổ chức đánh giá sự phù hợp theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa khi bàn giao sản phẩm dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt được giao, đặt hàng, chi phí chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy do nhà cung cấp chi trả. Tổ chức đánh giá sự phù hợp phải được cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng kiểm tra, chấp thuận theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

đ) Trường hợp nhà cung cấp sử dụng tổ chức, doanh nghiệp khác để cung cấp một hoặc một số phần cấu thành của dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt thì phải bảo đảm tổ chức, doanh nghiệp đó có đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ và nhà cung cấp phải chịu toàn bộ trách nhiệm về chất lượng và tính đồng bộ của sản phẩm cuối cùng của dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt theo yêu cầu nhiệm vụ được giao, đặt hàng.

Điều 10. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh, bổ sung (khi cần thiết) Danh mục dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt được giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng cho tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam quy định tại Điều 4 Nghị định này.

2. Bộ Công Thương: căn cứ Danh mục dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt được giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng cho tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam và các tiêu chí đối với nhà cung cấp quy định tại Nghị định này, công bố, cập nhật danh mục tổ chức, doanh nghiệp nòng cốt cung cấp dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt; xây dựng, công bố tỷ lệ nội địa hóa theo lộ trình đối với từng sản phẩm dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt được giao nhiệm vụ, đặt hàng làm cơ sở để cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng tham khảo, lựa chọn nhà cung cấp.

3. Bộ Xây dựng, Bộ Công Thương, Bộ Khoa học và Công nghệ có trách

nhiệm cử đại diện tham gia Hội đồng thẩm định lựa chọn nhà cung cấp khi có đề nghị của cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng.

4. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo, thanh tra, kiểm tra, đánh giá việc giao nhiệm vụ, đặt hàng cung cấp dịch vụ, hàng hóa công nghiệp đường sắt theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi phụ trách, bảo đảm việc giao nhiệm vụ, đặt hàng được thực hiện tiết kiệm, hiệu quả và đáp ứng yêu cầu phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

5. Cơ quan, tổ chức, người đứng đầu và công chức, viên chức tham gia xây dựng, ban hành, tổ chức thi hành chính sách quy định tại Nghị định này được xem xét loại trừ, miễn, giảm trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2).

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trần Hồng Hà